

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YD
TỈNH BG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: **19/2023/HS-ST**
Ngày 21 tháng 03 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YD, TỈNH BG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà NTTH

Các hội thẩm nhân dân: Ông LVD và bà NTT

Thư ký phiên tòa: Bà PTS - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YD, tỉnh BG.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YD tham gia phiên tòa: Ông VHS
- Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 03 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân tỉnh BG và điểm cầu thành phần Trại tạm giam Công an tỉnh BG, Tòa án nhân dân huyện YD xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 107/2022/TLST-HS ngày 29/12/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HS ngày 09/02/2023 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 09/2023/TB-TA ngày 24/02/2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: **NVS**, sinh năm 19xx

Nơi cư trú: Thôn TL, xã ĐG, huyện YD, tỉnh BG.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hoá: 12/12; con ông NVT, sinh năm 19xx (đã chết) và bà NTL, sinh năm 19xx; vợ là VTT, sinh năm 20xx; bị cáo có 01 con sinh năm 20xx; tiền án, tiền sự, nhân thân: không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/10/2022 đến ngày 19/10/2022 được thay biên pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh BG theo Lệnh tạm giam số 06/LTG-CSMT ngày 11/01/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện VY. *(Có mặt tại phiên tòa).*

**Bị hại:* Chị LTL, sinh năm 19xx *(Vắng mặt)*

HKTT: Bản NT, xã TM, huyện TC, tỉnh SL

Nơi làm việc: Công ty TNHH Luxshare ICT thuộc KCN VT 2, xã NH, huyện YD, tỉnh BG

**Người làm chứng:* Anh NTA, sinh năm 19xx *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn ĐV, xã AD, huyện TY, tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: NVS làm công nhân tại Công ty TNHH Luxshare ICT thuộc KCN VT 2, xã NH, huyện YD, tỉnh BG. Khoảng 07 giờ ngày 11/10/2022, Sáng đến Công ty làm việc, đến khoảng 17 giờ cùng ngày thì tan ca. Khi ra nhà để xe của công ty ở khu D để lấy xe mô tô đi về thì phát hiện thấy xe mô tô biển kiểm soát 26B2-733.76 của chị LTL ở bên cạnh không đóng cốp yên xe. Quan sát thấy nhiều người qua lại không để ý, biết ở trong cốp xe có tài sản, Sáng đi đến mở cốp yên xe C L ra thì thấy bên trong có 01 chiếc ví bằng vải, Sáng cầm ví lên mở ra thì thấy trong ví có tiền và các giấy tờ. Sáng trộm cắp một tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 01 Giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ ngân hàng ATM của Ngân hàng Vietcombank đều mang tên LTL cất dấu vào túi quần, đóng cốp yên xe lại rồi đi ra điều khiển xe mô tô của Sáng đi về phòng trọ. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, Sáng đem thẻ ngân hàng và chứng minh nhân dân trộm cắp được đến cây ATM ở cổng Công ty Vina Solar thuộc KCN VT, huyện VY rút tiền. Sau khi nhập mật khẩu ngày tháng năm sinh của C L trên chứng minh nhân dân thì thấy đúng mật khẩu. Sáng rút hai lần liên tiếp một lần được 2.000.000 đồng và một lần 3.000.000 đồng được tổng số tiền 5.000.000 đồng. Sau khi rút được tiền, Sáng đi về nhà ở thôn TL, xã ĐG, huyện YD. Số tiền trộm cắp được Sáng đã chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất tiền, thẻ ATM và Giấy chứng minh nhân dân, đồng thời thấy điện thoại báo trong tài khoản ngân hàng bị rút 5.000.000 đồng nên chị LTL đã đến Đồn Công an QC, huyện VY, BG trình báo. Biết hành vi trộm cắp của mình bị phát hiện đang bị điều tra, ngày 13/10/2022, Sáng đến Đồn Công an QC đầu thú và giao nộp 01 Giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ ngân hàng ATM mang tên C L.

Sau khi tiếp nhận, xác minh, Đồn Công an QC, huyện VY đã bàn giao Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện YD giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 20/10/2022, Cơ quan điều tra đã trả lại cho C L 01 Giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ ngân hàng ATM. Ngày 27/10/2022, Sáng bồi thường cho C L 5.200.000 đồng, C L đã nhận đủ số tiền bị Sáng trộm cắp và không yêu cầu Sáng về trách nhiệm dân sự.

Tại cơ quan điều tra, NVS đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 28/12/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện YD đã truy tố NVS về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Sáng đã khai nhận toàn bộ nội dung, diễn biến hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của bị hại và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Bị cáo không ai có ý kiến gì. Sau khi phân

tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YD giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo NVS từ 06 đến 07 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án nhưng được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 13/10/2022 đến ngày 19/10/2022.

- Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra xem xét do bị hại không có yêu cầu.

- Về án phí: áp dụng Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Bị cáo nhất trí với nội dung bản luận tội của Kiểm sát viên và không có ý kiến tranh luận gì. Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo xin lỗi bị hại và mong Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện YD và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện YD và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng trình tự, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, có đủ cơ sở xác định các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị hại và người làm chứng vắng mặt nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ và sự vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292 và 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người trên.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng cũng như các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét một cách khách quan, toàn diện nội dung vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hồi 17 giờ ngày 11/10/2022, tại Công ty TNHH Luxshare ICT thuộc KCN VT 2 xã NH, huyện YD, tỉnh BG, bị cáo NVS có hành vi trộm cắp 200.000 đồng, 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ ATM trong cốp xe mô tô Biển kiểm soát 26B2-733.76 của chị LTL là công nhân của công ty. Sau đó Sáng đem thẻ ATM, chứng minh nhân dân trộm cắp được đến cây ATM ở cổng Công ty Vina Solar thuộc KCN VT, huyện VY rút được số

tiền 5.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo trộm cắp được của C L là 5.200.000 đồng. Nay bị cáo đã bồi thường cho C L hết số tiền trên.

Quá trình điều tra, truy tố đã chứng minh được tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức, năng lực điều khiển hành vi và tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện YD, tỉnh BG truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

[4.1] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo tuy biết hành vi của mình vi phạm pháp luật và sẽ bị nghiêm trị nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện thể hiện sự liều lĩnh, manh động, xem thường pháp luật của bị cáo và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự với một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4.2] Xét về nhân thân thấy bị cáo phạm tội lần đầu, không có tiền án, tiền sự.

[4.3] Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

[4.4] Xét tình tiết giảm nhẹ thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong suốt quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; bị cáo cũng đã khắc phục hậu quả bồi thường cho bị hại; sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích đánh giá như trên, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo tuy có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, lẽ ra có đủ điều kiện để được hưởng án treo. Tuy nhiên, trong thời gian bị cấm đi khỏi nơi cư trú để chờ xét xử, ngày 11/01/2023, bị cáo bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Công an huyện VY bắt tạm giam về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Cho thấy bị cáo là người coi thường pháp luật, khó giáo dục và cải tạo nên bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo hướng dẫn của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Do vậy, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo đồng thời cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật đồng thời giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật cũng như răn đe,

phòng ngừa tội phạm chung. Việc xử phạt bị cáo với mức hình phạt trong khung đề nghị như Kiểm sát viên đề nghị tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công việc, nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có điều kiện để đảm bảo thi hành án đối với khoản tiền phạt và đã bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị LTL đã nhận được số tiền 5.200.000 đồng và không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án hình sự sơ thẩm là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Ngoài ra cần áp dụng quy định Điều 331; Điều 333; khoản 1 Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tuyên về quyền kháng cáo, kháng nghị.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều khoản, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp, có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333; khoản 1 Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hình phạt: Xử phạt bị cáo NVS **08 (tám)** tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án nhưng được trừ thời hạn đã tạm giữ từ ngày 13/10/2022 đến ngày 19/10/2022.

2. Án phí: Bị cáo NVS phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định. Thời hạn kháng nghị đối với bản án của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 30 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b; 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BG;
- VKSND tỉnh BG;
- VKSND huyện YD;
- Chi cục THADS huyện YD;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Công an huyện YD;
- Sở tư pháp tỉnh BG;
- Trại tạm giam Công an tỉnh BG;
- UBND phường, xã nơi cư trú bị cáo;
- CQCSĐT Công an huyện VY;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

NTTH